

MORALITY 5

LUÂN LÝ 5

Tổng Giáo Phận Galveston-Houston
Phaolô Phạm xuân Khôi or Paul Pham
ThanhocThanhkinh@gmail.com
713-398-1554

Opening Prayer – Rom 3:19 - 26

¹⁹Chúng ta biết rằng: tất cả những gì sách Luật nói là nhằm những người sống dưới Luật đó. Như vậy ai ai cũng phải câm miệng và mọi người trên thế gian đều đắc tội trước toà Thiên Chúa. ²⁰Bởi lẽ trước nhan Chúa, không người phàm nào được nhìn nhận là công chính vì đã làm những gì Luật dạy. Luật chẳng qua chỉ làm cho người ta ý thức về tội. ²¹Nhưng ngày nay, sự công chính của Thiên Chúa đã được thể hiện mà không cần đến Luật Mô-sê. Điều này, sách Luật và các ngôn sứ làm chứng. ²²Quả thế, người ta được Thiên Chúa làm cho nên công chính nhờ lòng tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Tất cả những ai tin đều được như thế, bất luận là ai. ²³Thật vậy, mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa, ²⁴nhưng họ được trở nên công chính do ân huệ Thiên Chúa ban không, nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Ki-tô Giê-su. ²⁵Thiên Chúa đã đặt Người làm nơi xá tội nhờ máu của Người cho những ai có lòng tin. Như vậy, Thiên Chúa cho thấy Người là Đấng Công Chính. Trước kia, trong thời Thiên Chúa nhẫn nại, Người đã bỏ qua các tội lỗi người ta phạm. ²⁶Nhưng bây giờ, Người muốn cho thấy rằng Người vừa là Đấng Công Chính, vừa làm cho kẻ tin vào Đức Giê-su được nên công chính.

Essential Question for this Course Câu Hỏi Thiết Yếu của Lớp này

What ought I do and how ought I be as a result of being a disciple of Jesus Christ?

Tôi phải làm gì và phải làm sao để kết cuộc thành một môn đệ của Chúa Giêsu Kitô?

3 Types of Sins – Ba thứ Tội

- | | |
|----------------|-----------------------------|
| • Sin as fact | • Tội lỗi là một thực tại |
| ▪ Original Sin | ▪ Tội Tổ Tông |
| • Sin as act | • Tội lỗi là một hành động |
| ▪ Personal sin | ▪ Tội cá nhân |
| • Sin as state | • Tội lỗi là một tình trạng |
| ▪ Social sin | ▪ Tội xã hội |

The proliferation of sin – Sự nảy nở của tội lỗi

Sin is a personal act. But we have a responsibility for the sins committed by others when we cooperate in them

- Direct and volunteered participation
- Ordering, advising, praising, approving
- Not hindering
- Protecting evil-doers

Thus sin makes men accomplices of one another and causes concupiscence, violence, and injustice to reign among them.

Tội là một hành vi cá nhân. Nhưng chúng ta chịu trách nhiệm về các tội người khác phạm khi chúng ta cộng tác vào chúng

- Trực tiếp và cố tình tham gia
- Ra lệnh, cố vấn, khen ngợi, cho phép
- Không ngăn cản
- Che bao kẻ làm sự dữ

Như thế tội lỗi làm cho con người trở thành đồng lõa với nhau, và làm có cho dục vọng, bạo lực, bất công thống trị giữa họ.

Social Sin – Tội Xã Hội (CCC 1869)

- Human beings are social creatures, so every sin has a social dimension
- Specifically, as the result of our cooperation in sins of many
- The accumulation of a series of personal sins can set in motion socio-politico-cultural structures that subsequently operate without any individuals personal direction
- These structures can be gravely sinful
- It can come to pass that these structures persist well after the death of all the people who brought them into existence
- This is called “social sin” or “structures of sin” – where the community as a whole bears a responsibility to strive to change what they themselves may not have actively created.
- Con người là thụ tạo xã hội, nên mọi tội đều có chiều kích xã hội
- Đặc biệt là như kết quả của sự cộng tác của chúng ta vào tội của nhiều người
- Việc tích lũy hàng loạt những tội cá nhân có thể bắt đầu những cấu trúc xã hội-văn hóa-chính trị mà sau đó hoạt động không cần sự hướng dẫn của bất cứ cá nhân nào
- Các cấu trúc này có thể rất tội lỗi
- Có thể các cấu trúc này vẫn tồn tại một thời gian lâu dài sau cái chết của những người tạo ra chúng
- Điều này được gọi là “tội xã hội” hay “các cấu trúc của tội lỗi”- ở đó toàn thể cộng đồng chịu trách nhiệm về nỗ lực thay đổi điều mà chính họ đã không tích cực tạo ra.

“Punishments” due to sin - Hình Phạt do tội gây ra

“Must not be conceived as a kind of vengeance inflicted by God from without, but as following from the very nature of sin” (CCC 1472).

- Eternal
 - Destruction of communion with God
 - Healed through sacramental reconciliation
- Temporal
 - Unhealthy attachment to things
 - Even after forgiveness is granted, these remain and are in need of purification.

“Không được coi như một loại trả thù gây ra bởi Thiên Chúa từ bên ngoài, nhưng như kèm theo bởi chính bản chất của tội” (CCC 1472).

- Đời đời
 - Phá hủy sự hiệp thông với Thiên Chúa
 - Được chữa lành nhờ bí tích Hòa Giải
- Tạm thời
 - Quyến luyến lệch lạc với sự vật
 - Ngay cả sau khi được tha tội, các hình phạt này vẫn tồn tại và cần phải được thanh luyện.

Conversion as Command and Possibility Hoán Cải như Mệnh Lệnh và Khả Năng

Conversion requires convincing of sin; it includes the interior judgment of conscience, and this, being a proof of the action of the Spirit of truth in man's inmost being, becomes at the same time the start of a new grant of grace and love: "Receive the Holy Spirit"

(Dominum et Vivificantem, #31).

Sự hoán cải đòi phải nhận thức về tội lỗi; nó bao gồm việc phán đoán bên trong của lương tâm, và điều này, là bằng chứng về hành động của Thần Chân Lý nơi tận đáy lòng con người, đồng thời bắt đầu việc ban ân sủng và tình yêu mới: "Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần"

(Dominum et Vivificantem, số 31).

Repentance and Conversion as Command Ăn năn Hoán Cải như Mệnh Lệnh

Jesus and conversion

- Jesus' moral demands - call to live a moral life
- Jesus' demand for repentance - call to turn from sin to God
- Jesus' demand for faith - call to believe God's mercy
- Jesus' demand for discipleship - call to live his love

Chúa Giêsu và hoán cải

- Đòi hỏi luân lý của Chúa Giêsu – mời gọi sống một đời sống luân lý
- Đòi hỏi hoán cải của Chúa Giêsu – mời gọi bỏ tội lỗi và quay về với TC
- Đòi hỏi đức tin của Chúa Giêsu – - mời gọi tin vào lòng thương xót của Thiên Chúa
- Đòi hỏi làm môn đệ của Chúa Giêsu mời gọi sống tình yêu của Người

Repentance and Conversion as Possibility Ăn năn Hoán Cải như Khả Năng

Conversion is – learning, growing in love of God

- Letting God work in us over time
- Constant struggle to be “dead to sin and alive to God in Christ Jesus.” (Rom 6:11)
- Made possible by grace, requiring cooperation
- Metanoia – change of heart

Hoán cải là – học, lớn lên trong tình yêu của Thiên Chúa

- Dần dần để Thiên Chúa làm việc trong chúng ta
- Luôn luôn cố gắng “chết cho tội lỗi và sống cho Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô.” (Rom 6:11)
- Có thể làm được nhờ ân sủng, cần sự hợp tác
- Metanoia – thay đổi tâm hồn

The social nature of conversion (CCC 1888)

Bản tính xã hội của việc hoán cải

It is necessary, then, to appeal to the spiritual and moral capacities of the human person and to the permanent need for his inner conversion, so as to obtain **social changes** that will really serve him. The acknowledged priority of the conversion of heart in no way eliminates but on the contrary imposes the obligation of *bringing the appropriate remedies to institutions and living conditions* when they are an inducement to sin, so that they *conform to the norms of justice* and advance the good rather than hinder it.

Vì vậy, để đạt được **những cải tổ xã hội** thật sự giúp phục vụ con người, phải nại đến các khả năng tinh thần và luân lý của con người, và với sự đòi hỏi thường xuyên là sự hối cải nội tâm của họ. Việc ưu tiên cho sự hoán cải tâm hồn không hề loại trừ, nhưng trái lại, còn bắt buộc *đem lại những lành mạnh hoá thích hợp cho các cơ chế và điều kiện sống*, khi các cơ chế và điều kiện sống đó đưa đến tội lỗi, để chúng trở thành *phù hợp với các quy tắc của đức công bằng*, và thăng tiến điều thiện hảo thay vì cản trở nó.

Ressurrection Faith and Christian Hope

Đức Tin Phục Sinh và niềm hy vọng Kitô giáo

The basis of Christian hope-the foundation of the hopeful Christian belief that we not only must but can be transformed from sin to grace and from death to new life-is nothing other than ***the resurrection of Jesus Christ***.

If Christ has not been raised, then our preaching is in vain and your faith is in vain (1 Corinthians 15:14)

Căn bản của niềm hy vọng Kitô giáo - nền tảng của niềm tin đầy hy vọng của Kitô giáo rằng chúng ta không những phải mà còn có thể biến đổi từ tội lỗi sang ân sủng và từ sự chết sang đời sống mới - không gì khác hơn là ***sự Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô***.

Nếu Đức Kitô đã không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi là vô ích và đức tin của anh chị em cũng vô ích (1 Cor 15:14).

Ressurrection Faith and Christian Hope Đức Tin Phục Sinh và niềm hy vọng Kitô giáo

What we are invited to believe is not about Christ's resurrection, but our own.

"For as all die in Adam, so all will be made alive in Christ" (1 Corinthians 15:22).

Easter faith is not only about the empty tomb of Jesus; it is about our empty tombs as well.

Điều mà chúng ta được mời gọi để tin không phải là sự sống lại của Đức Kitô, mà là sự sống lại của chính chúng ta. "Vì như trong ông Adam mà mọi người phải chết, thì trong Đức Kitô mọi người cũng được tái sinh" (1 Cor 15:22).

Đức tin Phục Sinh không chỉ về ngôi mộ trống của Chúa Giêsu; nó cũng về các ngôi mộ trống của chúng ta.

Ressurrection Faith and Christian Hope Đức Tin Phục Sinh và niềm hy vọng Kitô giáo

The fullness of faith in the Resurrection is the ability to believe that the dark tombs we live in today tombs of sin, fear, resentment, hostility, injustice-can be made empty.

It is the ability to believe that through the Holy Spirit, the power of the risen Christ is at work in us now, and that through this power we can be raised up from all that "entombs" us, from all that prevents us from being who we are capable of being, personally and communally..

Sự trọn vẹn của đức tin vào sự Phục Sinh là khả năng tin rằng các ngôi mộ đen tối mà chúng ta đang sống trong ngày hôm nay, các ngôi mộ của tội lỗi, sợ hãi, bất mãn, hận thù, bất công - có thể biến thành trống rỗng.

Đó là khả năng tin rằng qua Chúa Thánh Thần, quyền năng của Đức Kitô Phục Sinh đang hoạt động trong chúng ta, và nhờ quyền năng này, chúng ta có thể được chỗi dậy từ tất cả những gì "chôn sống" chúng ta, từ tất cả những gì ngăn cản chúng ta trở thành những người mà chúng ta có khả năng trở thành, cách cá nhân và cộng đồng.

How do we evaluate moral acts? Lượng giá những hành vi luân lý thế nào?

Morality considers the rightness and wrongness of human actions.

Only human actions done freely and knowingly can be evaluated.

Three elements determine the morality of human acts:

1. The **object** of the act (what the act is objectively)
2. The **intention** or purpose of the act (why the act is chosen subjectively)
3. The **circumstances** surrounding the act

*For an act to be morally good,
all three of these elements must be good.*

Luân lý kể đến sự đúng và sai của những hành vi nhân linh.

Chỉ các hành động của con người được thực thi cách tự do và có ý thức mới có thể đánh giá được. Có ba yếu tố quyết định tính luân lý của các hành vi nhân linh:

1. **Đối tượng** của hành động (theo khách quan thì hành động ấy là gì)
2. **Chủ ý/mục đích** của hành động (tại sao lại chọn hành động này theo khách quan).
3. **Hoàn cảnh** quanh hành động.

*Một hành động muốn được coi là tốt về luân lý
thì cả ba yếu tố trên phải tốt,*

Practical Application Lượng giá mức nghiêm trọng của tội lỗi

For an action to be morally good, a human act must agree with the norm of morality on all three counts:

- An act that is bad in itself cannot become good or indifferent by a good motive or good circumstances. Nothing can change its intrinsically evil nature
- One must reject the principle that states that the end justifies the means.

Để cho một hành động được tốt về luân lý, một hành vi nhân linh phải hợp với luật luân lý trong cả ba điều:

- Một hành động tự nó là xấu không thể trở thành tốt hay trung lập bởi một động lực tốt hoặc hoàn cảnh tốt. Không có gì có thể thay đổi bản chất ác nội tại của nó
- Một người phải chối từ nguyên tắc nói rằng cứu cánh biện minh cho phương tiện.

Intrinsically Evil Acts

Những hành vi tự bản chất là dữ (ác)

- These are acts like rape, murder, and adultery that are always evil, no matter what the circumstances or intentions. These acts remain evil, with no exceptions.
- They can never become good acts.
- A person can commit an intrinsically evil act and not be personally guilty but this does not alter the evil of the act.
- Những hành động như hiếp dâm, giết người và ngoại tình luôn luôn là dữ, bất chấp những hoàn cảnh và những chủ ý. Những hành động này vẫn là dữ, không có luật trừ.
- Chúng không bao giờ trở nên hành động tốt.
- Một người có thể làm một hành động ác tự bản chất, và không có lỗi, nhưng điều này không thay đổi sự dữ của hành động ấy.

Serious sins in the Bible

- 1 Cor 6:9-10
- Gal 5:19-21
- Eph 5:3-6
- Rev. 22:12-16
- Matt 25:41-46
- John 5:28-29

How do we evaluate moral acts?

Lượng giá những hành vi luân lý thế nào?

The ends (good intentions) don't justify the means (objectively bad acts).

Evil intentions corrupt otherwise good actions.

Circumstances cannot change intrinsically evil acts into good ones.

- *Circumstances can increase or decrease the moral quality of an act*
- *Circumstances can make a normally good act bad.*

Mục đích (ý định tốt) không biện minh cho phương tiện (hành động xấu cách khách quan).

Ý định xấu làm hỏng những hành động đáng lẽ là tốt.

Hoàn cảnh không thay đổi những hành động tự bản chất là xấu thành tốt.

- *Hoàn cảnh có thể làm tăng hay giảm tính chất luân lý của một hành động*
- *Hoàn cảnh có thể biến một hành động tốt thông thường thành xấu*

BASIC Moral Principles những nguyên tắc luân lý Căn bản

- **Do good; Avoid evil** (Ps 37:27)
This is the basic precept of the natural law and the foundation of morality
- **We can never do evil to bring about good** (Rm 3:8)
The ends never justify the means
- **We must follow our conscience**
We are obligated to follow the certain judgment of our formed conscience. Conscience must never be set in opposition to the moral law or the Magisterium of the Catholic Church.

- **Làm Lành; Lánh Dữ** (Tv 37:27)
Đây là điều luật căn bản của luật tự nhiên và nền tảng của luân lý
- **Chúng ta không bao giờ được làm điều ác để đem lại điều tốt** (Rm 3:8)
Mục đích không bao giờ biện minh cho phương tiện
- **Chúng ta phải làm theo lương tâm**
Chúng ta bắt buộc phải làm theo phán đoán chắc chắn của lương tâm đã được huấn luyện. LT không bao giờ được trái ngược với luật luân lý hay Huấn Quyền của HCTCG.

BASIC Moral Principles

Những nguyên tắc luân lý Căn Bản

• **The principle of the double effect**

An act that is good, but that has an evil side effect, may only be done under the following conditions:

- The act itself must be good or at least morally neutral
- The evil effect must not be directly willed, but only foreseen and tolerated
- The good effect must not be the result of the evil effect
- The good desired must equal or outweigh the evil permitted.

• **Nguyên tắc song hiệu**

Một hành động tốt, nhưng có một hậu quả phụ xấu (dữ), chỉ được làm với những điều kiện sau:

- Chính hành động phải là tốt hay trung lập về luân lý
- Hậu quả dữ không được muốn cách trực tiếp, nhưng chỉ được thấy trước và cho phép
- Thành quả tốt không được là kết quả của hiệu quả xấu
- Điều tốt mà chúng ta muốn phải bằng hay lớn hơn sự dữ được phép làm.

Group Exercise

BASIC Moral Principles Những nguyên tắc luân lý Căn bản

Cooperation with evil

- **Formal Cooperation** is assisting another's wrong-doing while approving it. This is always wrong.
- **Material Cooperation** is assisting another's wrong-doing without approving of it. This is allowed following the same principles as double effect.

Hợp tác với sự dữ

- **Hợp tác trực tiếp** là giúp người khác làm điều sai trong khi tán thành điều ấy. Cách này luôn luôn sai.
- **Hợp tác gián tiếp** là giúp người khác làm điều sai trong khi không tán thành điều ấy. Cách này được phép theo cùng những nguyên tắc như song hiệu.

SOME False Moral Ideas Một số ý tưởng sai lầm về luân lý

- **Freedom of Conscience** – GS: “Conscience is God’s voice speaking within us, not just our opinion.”
- **Situation Ethics** - This theory claims there are no such things as universal moral norms (Ten Commandments) that hold for all times and places. We simply make up our own morality as we go along depending on the circumstances. The Church condemned this theory in 1956.
- **Tự do Lương Tâm** – GS: “Lương tâm là tiếng nói của TC trong chúng ta chứ không phải chỉ là ý kiến của chúng ta.”
- **Luân Lý hoàn cảnh** – Thuyết này cho rằng không có luật luân lý phổ quát (Mười Điều Răn) đúng cho mọi thời và mọi lúc. Chúng ta chỉ vừa đi vừa đặt ra những luật về luân lý của mình tùy theo hoàn cảnh. Hội Thánh lên án thuyết này năm 1956.

The causes of sin – Căn nguyên của tội lỗi

Internal causes:

1) Ignorance

- Invincible ignorance may cause material sin,
- Vincible ignorance may cause formal sin

2) Passion

- Involuntary may cause material sin
- Voluntary may cause formal sin

3) Malice

Nguyên nhân bên ngoài:

1) Thiếu hiểu biết

- Thiếu hiểu biết không thể thắng vượt được có thể gây ra tội vô ý
- Thiếu hiểu biết có thể thắng vượt được gây ra tội cố ý.

2) Đam mê

- Vô tình có thể làm cơ cho tội vô ý
- Cố tình có thể gây ra tội cố ý

3) Ác ý

The causes of sin – Căn nguyên của tội lỗi

External causes

1) The devil and other evil spirits

cannot be the direct causes of sin, but can only induce man to sin

2) Other people

- By carnal generation transmits original sin to one's offspring
- By inducing others to sin by suggestion, persuasion, command, seduction, example, etc. (i.e., by scandal)
- By cooperating in the sins of others

Các nguyên nhân bên ngoài

1) Quỷ và những thần dữ khác

Không thể là nguyên nhân trực tiếp của tội nhưng chỉ có thể xúi dục con người

2) Những người khác

- Qua việc sinh sản truyền tội Nguyên Tổ cho con cái mình
- Làm cơ cho người khác phạm tội qua việc khuyên bảo, xúi dục, gương xấu, vv. (i.e., gương mù)
- Qua việc hợp tác với tội lỗi của những người khác

How to Resistance Temptation – Chống lại cám dỗ

Resistance to temptation is made by an act of the will withholding consent to the suggested sin and by commanding one's powers not to give in to the temptation

- *Explicit*: resolving not to give in to the temptation
- *Implicit*: manifesting contempt or displeasure to the temptation
- *Direct*: by attacking head on the temptation
- *Indirect*: by fleeing from the temptation to some other occupation.

Việc chống lại cám dỗ được thực hiện bằng hành động của ý chí không chịu đồng ý với đề nghị tội lỗi và ra lệnh cho khả năng của mình không được chịu thua cám dỗ

- *Dứt khoát*: nhất quyết không chiều theo chước cám dỗ
- *Tiềm ẩn*: tỏ ra chống cự hay bất bình với cám dỗ
- *Trực tiếp*: đương đầu với cám dỗ bằng cách tấn công nó
- *Gián tiếp*: chạy trốn cám dỗ bằng cách bận rộn với việc khác.

The Danger of Sin and Occasion of Sin – Nguy hiểm

Exposure to the danger of sin can be sinful itself. The likelihood that sin will be committed in certain circumstances.

- **Grave**: Exposure is rash + danger is grave & proximate: when moral certainty is had that sin will be committed
 - **Absolute**: generally shared by all
 - **Relative**: for a particular individual
- **Venial**: Exposure is rash + danger is grave/remote or venial/proximate: not morally certainty, but some likelihood.

Việc đặt mình vào nguy cơ phạm tội có thể là tội. Trong nhiều hoàn cảnh nào đó người ta có thể phạm tội.

- **Trọng**: Đặt mình vào cách cầu thả + nguy hiểm trầm trọng & kề bên: khi chắc chắn theo luân lý là sẽ phạm tội
 - **Tuyệt đối**: cách chung mọi người đồng ý
 - **Tương đối**: cho một cá nhân riêng
- **Nhẹ**: Đặt mình vào cách cầu thả + nguy hiểm trầm trọng/xa hay nhẹ/kề bên: không chắc chắn về luân lý, nhưng có thể.

Grace and Justification – Ân sủng và Công Chính Hóa

- | | |
|--|---|
| <ol style="list-style-type: none"> 1. What is meant by the term “justification”? 2. What is “grace”? How, if at all, is it related to justification? 3. What is “merit”? 4. Can anyone merit the initial grace of justification? 5. Do people have real merits before God at all? | <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ “sự công chính hóa” nghĩa là gì? 2. “Ân sủng” là gì? Nó có liên hệ với sự công chính hóa thế nào? 3. “Công trạng” (“Công phúc”) là gì? 4. Có ai có công để lãnh ân sủng ban đầu của công chính hóa không? 5. Người ta có thực sự có công trạng gì trước Thiên Chúa không? |
|--|---|

Justification – Công Chính Hóa

Justification is the grace of the Holy Spirit to justify us through faith in Jesus Christ and through Baptism.

Through the power of the Holy Spirit we take part in Christ's Passion by dying to sin.

The first work of the grace of the Holy Spirit is *conversion*. Moved by grace, man turns toward God and away from sin, thus accepting forgiveness and righteousness.

Justification is conferred in Baptism

Công chính hóa là ân sủng Chúa Thánh Thần làm cho ta trở nên công chính nhờ tin vào Đức Kitô qua bí tích Rửa Tội.

Nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần, ta được tham dự vào cuộc Thương Khó của Đức Kitô bằng cách chết cho tội lỗi.

Công trình đầu tiên Chúa Thánh Thần là *sự hoán cải*. Được ân sủng tác động, con người từ bỏ tội lỗi và quay về với Thiên Chúa, nhờ đó nhận ơn tha thứ và sự công chính.

Ơn công chính hóa được trao ban trong Bí tích Rửa Tội

Not Once Saved, Always Saved

“One Saved, Always Saved” is a false belief of many Protestants due to misunderstanding of the Bible :

- God's Choices are Irreversible
 - Ephesians 1:4
 - John 6:37
 - Romans 11:29
 - John 6:39
 - John 10:28
- God's Nature is Imparted at the New Birth
- God's Children Cannot Remain in Known Sin

“Một khi được Cứu Độ, thì Luôn được Rồi” là một giáo huấn sai lạc của nhiều người Tin Lành vì hiểu lầm Thánh Kinh:

- Thiên Chúa không rút lại ơn tuyển chọn
 - Ephêxô 1:4
 - Gioan 6:37
 - Roma 11:29
 - Gioan 6:39
 - Gioan 10:28
- Bản tính của Thiên Chúa được ban cho khi tái sinh
- Con cái Thiên Chúa không thể ở lại mãi trong tội lỗi

Justification – Công Chính Hóa

Justification establishes cooperation between God's grace and man's freedom.

On man's part it is expressed by the assent of faith to the Word of God, which invites him to conversion, and in the cooperation of charity with the prompting of the Holy Spirit.

Justification is the most excellent work of God's love made manifest in Christ Jesus and granted by the Holy Spirit.

Ơn công chính hóa thiết lập sự cộng tác giữa ân sủng Thiên Chúa và sự tự do của con người.

Về phía con người, ơn này được biểu lộ qua sự bằng lòng tin theo lời Thiên Chúa mời gọi hoán cải, và cộng tác bằng đức ái với tác động của Chúa Thánh Thần.

Công chính hóa là công trình tuyệt diệu nhất của tình yêu Thiên Chúa được tỏ lộ trong Chúa Giêsu Kitô và được ban bởi Chúa Thánh Thần.

Grace – Ân Sủng

Grace is favor, the free and undeserved help that God gives us to respond to his call to become children of God.

Grace is a participation in the life of God. By Baptism the Christian participates in the grace of Christ, the Head of his Body.

The grace of Christ is the gratuitous gift that God makes to us of his own life, infused by the Holy Spirit into our soul.

Ân sủng là một ân huệ, một sự trợ giúp nhưng không mà Chúa ban để ta trở thành con cái Ngài.

Ân sủng là sự tham dự vào đời sống Thiên Chúa. Nhờ bí tích Rửa Tội, Kitô hữu thông phần vào ân sủng của Đức Kitô, Đầu của Thân Thể.

Ân sủng của Đức Kitô là ân huệ nhưng không mà Thiên Chúa ban cho ta sự sống Ngài, được CTT đổ vào lòng ta. .

Grace – Ân Sủng

Sanctifying grace is an habitual gift that perfects the soul to enable it to live with God, to act by his love.

Habitual grace, the permanent disposition to live and act in keeping with God's call.

Actual graces are God's interventions, whether at the beginning of conversion or in the course of the work of sanctification.

Ơn thánh hóa là một ơn thường sủng, hoàn thiện hóa linh hồn để có thể sống với Thiên Chúa và hành động nhờ tình yêu của Ngài.

Ơn thường sủng là trạng thái thường xuyên để sống và làm theo tiếng gọi của Thiên Chúa.

Ơn hiện sủng là những can thiệp của Thiên Chúa dù lúc khởi đầu cuộc hoán cải hoặc trong công trình thánh hóa.

Grace – Ân Sủng

Grace also includes the gifts that the Spirit grants us to associate us with his work, to enable us to collaborate in the salvation of others and in the growth of the Church.

- Sacramental graces, gifts proper to the different sacraments.
- Charisms are intended for the common good of the Church.
- Graces of state that accompany the exercise of the responsibilities of the Christian life and of the ministries within the Church

Ân sủng cũng bao gồm các ơn mà Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta để cộng tác và công trình của Ngài, để giúp chúng ta có thể cộng tác vào việc cứu độ tha nhân và phát triển Hội Thánh.

- Các ân sủng bí tích, các ơn thích hợp với các bí tích khác nhau.
- Các đặc sủng nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung của Hội Thánh.
- Các ơn chức phận đi kèm với việc thi hành các nhiệm vụ của đời sống Kitô hữu và các thừa tác vụ trong lòng Hội Thánh .

Merit – Công Phức

The merit of man before God in the Christian life arises from the fact that God has freely chosen to associate man with the work of his grace.

- The merits of our good works are gifts of the divine goodness. No one can merit the initial grace of forgiveness and justification, at the beginning of conversion.
- The charity of Christ is the source in us of all our merits before God.

Công phúc của con người trước Thiên Chúa trong đời sống Kitô hữu phát sinh từ việc Thiên Chúa đã tự do cho con người cộng tác với ân sủng của Ngài.

- Công trạng của việc làm của ta là hồng ân của lòng lành Thiên Chúa. Không ai có công để nhận ân sủng mở đầu cho ơn tha thứ và công chính hóa khi mới hoán cải.
- Tình yêu Đức Kitô trong ta là nguồn mọi công trạng của ta trước mặt TC.

Christian Holiness Sự Thánh Thiện của Kitô hữu

All Christians are called to holiness.

- In order to reach this perfection the faithful should use the strength dealt out to them by Christ's gift to do the will of the Father in everything.
- Spiritual progress tends toward ever more intimate union with Christ.
- The way of perfection passes by way of the Cross. There is no holiness without renunciation and spiritual battle.

Tất cả mọi Kitô hữu đều được mời gọi nên thánh.

- Để đạt được sự hoàn hảo này, các tín hữu phải dùng sức mạnh mà hồng ân của Đức Kitô đã ban để làm theo thánh ý Chúa Cha trong mọi sự.
- Sự tiến triển thiêng liêng hướng đến việc càng ngày càng kết hợp mật thiết hơn với Đức Kitô.
- Con đường tiến đến hoàn thiện phải qua Thập Giá. Không tài nào đạt được sự thánh thiện, nếu không từ bỏ chính mình và chiến đấu nội tâm.

Closing Prayer

O loving and gracious God,/ Father of all,/ you bless your people in every time and season/ and provide for their needs through your providential care./ Your Church is continually in need of priests, deacons, sisters and brothers/ to offer themselves in the service of the Gospel by lives of dedicated love. Open the hearts of your sons and daughters/ to listen to your call in their lives./ Give them the gift of understanding/ to discern your invitation/ to serve you and your Church./ Give them the gift of courage to follow your call./

May they have the spirit of young Samuel/ who found fulfillment in his life/ when he said to you,/ "Speak Lord, for your servant is listening."/ We ask this through Jesus Christ,/ our Lord and Redeemer./ Amen./